

# TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ TÁC ĐỘNG XÃ HỘI TRONG QUẢN LÝ RỪNG TẠI CÔNG TY LÂM NGHIỆP BẾN HẢI, TỈNH QUẢNG TRỊ

Hà Sỹ Đồng<sup>1</sup>, Đỗ Anh Tuấn<sup>2</sup>, Lê Xuân Trường<sup>3</sup>

<sup>1</sup>ThS. UBND tỉnh Quảng Trị

<sup>2</sup>PGS.TS. Trường Cán bộ quản lý Nông nghiệp & Phát triển nông thôn

<sup>3</sup>TS. Trường Đại học Lâm nghiệp

## TÓM TẮT

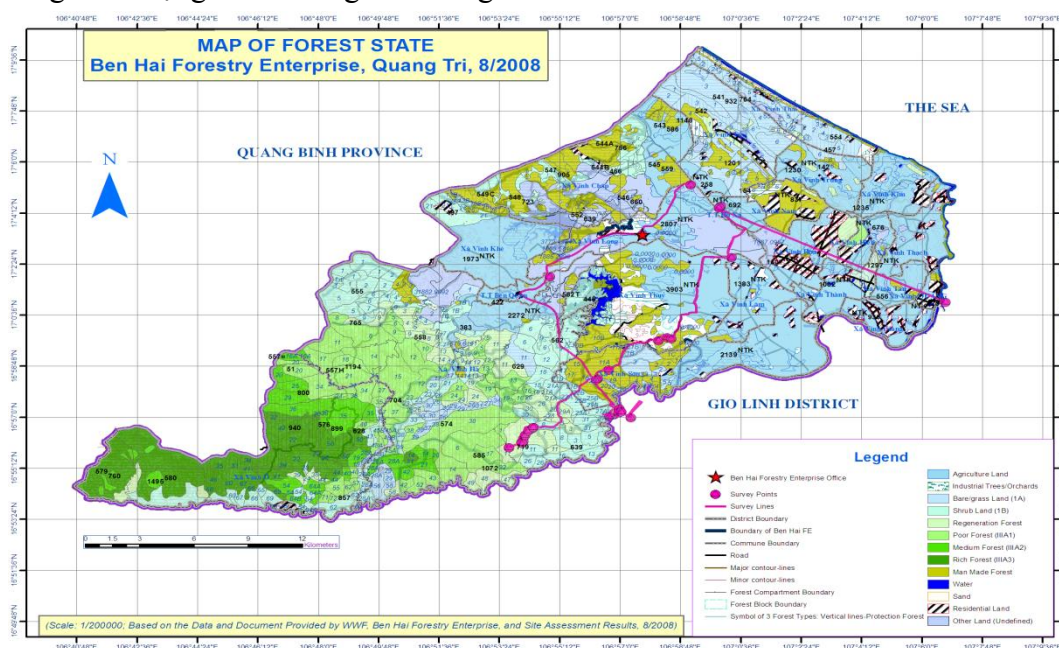
Quản lý rừng bền vững theo yêu cầu của quốc tế cần quản lý bền vững cả 3 yếu tố: kinh tế, xã hội và môi trường. Công ty lâm nghiệp Bến Hải, tỉnh Quảng Trị là đơn vị hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực lâm nghiệp, nhằm đạt được Quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn của Hội đồng quản trị rừng thế giới (FSC), Công ty lâm nghiệp Bến Hải cần đánh giá được tác động môi trường và tác động xã hội trong các hoạt động quản lý rừng của Công ty trên cơ sở đối chiếu với các nguyên tắc quản lý rừng bền vững của FSC. Nghiên cứu đã phát hiện được: 14 lỗi tác động bất lợi đối với môi trường và 12 tác động bất lợi đối với xã hội trong quản lý rừng của Công ty. Từ kết quả phát hiện được các tác động bất lợi đến môi trường và xã hội, nghiên cứu đã đề xuất 9 giải pháp để giảm thiểu các tác động bất lợi về môi trường và 15 giải pháp giảm thiểu các tác động bất lợi về xã hội để Công ty khắc phục và thực hiện được chứng chỉ rừng quản lý rừng bền vững của FSC.

**Từ khóa:** *Quản lý rừng bền vững, tác động môi trường, tác động xã hội.*

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Công ty lâm nghiệp Bến Hải, tỉnh Quảng Trị là đơn vị hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực lâm nghiệp. Để quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn của Hội đồng quản trị rừng thế giới (FSC) - quản lý bền vững cả kinh tế, xã hội và môi trường, Công ty đã tiến hành đánh giá tác động môi trường và đánh giá

tác động xã hội. Kết quả đánh giá tác động môi trường, tác động xã hội là căn cứ quan trọng để Công ty đưa ra được các giải pháp hạn chế những tác động bất lợi đến môi trường, xã hội đảm bảo quản lý rừng bền vững và tiến tới xin cấp Chứng chỉ rừng từ Hội đồng quản trị rừng thế giới.



Hình 1. Bản đồ Hiện trạng tài nguyên rừng Công ty lâm nghiệp Bến Hải

## II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Phát hiện những khiếm khuyết về tác động môi trường và tác động xã hội trong quản lý rừng của Công ty lâm nghiệp Bến Hải và đề xuất các giải pháp giảm thiểu những khiếm khuyết.

### 2.2. Nội dung nghiên cứu

(1) Những khiếm khuyết trong quản lý môi trường của Công ty lâm nghiệp Bến Hải.

(2) Những khiếm khuyết trong quản lý xã hội của Công ty lâm nghiệp Bến Hải.

(3) Đề xuất những giải pháp giảm thiểu những khiếm khuyết trong quản lý môi trường và xã hội của Công ty lâm nghiệp Bến Hải.

### 2.3. Phương pháp nghiên cứu

Dựa vào các nguyên tắc quản lý rừng bền vững có liên quan của Hội đồng quản trị rừng thế giới để đánh giá, cụ thể:

- Thực hiện nội dung (1), tác giả đã sử dụng các phương pháp:

+ Cập nhật, tham khảo các kết quả đã điều tra khảo sát của các chuyên gia, các tài liệu có liên quan.

+ Tiến hành điều tra, khảo sát đánh giá tác động môi trường thông qua các câu hỏi phỏng vấn các bên có liên quan, như: người dân, người lao động, cán bộ quản lý, chính quyền

địa phương, kiểm lâm địa bàn, địa chính... Các câu hỏi phỏng vấn được soạn dựa vào các nguyên tắc QLRBV của FSC (*nguyên tắc 6, 7 và 10*) theo các tiêu chí, chỉ số cụ thể của từng nguyên tắc để đánh giá tác động môi trường trong các hoạt động QLR của Công ty.

+ Khảo sát hiện trường nhằm kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các hoạt động xem có đúng với báo cáo, tài liệu đã được cung cấp hay không. Tiếp xúc người dân, người lao động và cán bộ lãnh đạo địa phương để kiểm tra các thông tin đánh giá.

- Thực hiện nội dung (2) tác giả đã sử dụng các phương pháp:

+ Điều tra theo tuyến điển hình.

+ Điều tra phỏng vấn có người dân tham gia.

+ Kế thừa chọn lọc các kết quả nghiên cứu trước đã công bố về thực vật, động vật khu nghiên cứu.

+ Sử dụng số liệu cơ bản ban đầu và bản đồ hiện trạng tài nguyên rừng do Công ty Lâm nghiệp Bến Hải cung cấp.

+ Sử dụng tên cây rừng trong các tài liệu “*Tên cây rừng Việt Nam*”(2000) và “*Sách đỏ Việt Nam*” (2007).

## III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU, THẢO LUẬN

### 3.1. Những khiếm khuyết trong quản lý môi trường của Công ty lâm nghiệp Bến Hải

**Bảng 01. Những khiếm khuyết trong quản lý môi trường của Công ty lâm nghiệp Bến Hải**

Những khiếm khuyết trong quản lý môi trường	
<b>Nguyên tắc 6: Tác động môi trường.</b> <i>Hoạt động quản lý rừng phải bảo tồn đa dạng sinh học và các giá trị của nó về nguồn nước, tài nguyên đất, và hệ sinh thái độc đáo, để tồn thương, sinh cảnh, và giúp duy trì các chức năng sinh thái và tính toàn vẹn của rừng.</i>	<b>Nguyên tắc 10: Rừng trồng.</b> <i>Rừng trồng cần được quy hoạch và quản lý theo các nguyên tắc Quản lý rừng bền vững. Rừng trồng không những có thể đem lại nhiều lợi ích, góp phần đáp ứng nhu cầu về các sản phẩm lâm nghiệp của thế giới mà còn làm cho hoạt động quản lý thêm phần đa dạng, giảm áp lực lên rừng tự nhiên, phát huy, khôi phục và bảo tồn rừng tự nhiên...</i>

1) Mặc dù đã có các đánh giá tác động môi trường nhưng khu vực bị tác động chưa được thông báo cho chính quyền và nhân dân địa phương. Công ty chưa gửi thông báo đánh giá tác động môi trường cho địa phương.

2) Công ty chưa thực hiện điều tra, lập danh sách, tài liệu mô tả và sơ đồ phân bố các loài cây, con quý hiếm cần bảo vệ trong phạm vi rừng do Công ty quản lý. Chưa có báo cáo đa dạng sinh học, chưa có bản đồ kết quả đánh giá đa dạng sinh học. Chưa có kế hoạch quản lý đa dạng sinh học trên địa bàn. Công ty cũng chưa có báo cáo về tình hình săn bắt, đánh cá, thu hái lâm sản trên địa bàn quản lý. Không có các tài liệu quy định về bảo vệ và nâng cao nhận thức của cán bộ, công nhân viên, người lao động của công ty về bảo vệ các loài động thực vật hoang dã, quý hiếm trong địa bàn quản lý.

3) Công ty chưa có báo cáo đánh giá về kết quả khoanh nuôi tái sinh, diễn thế của những diện tích rừng khoanh nuôi. Chưa có các báo cáo điều tra trước và sau khai thác, các tài liệu xử lý lâm sinh tác động vào những diện tích này.

4) Chưa tiến hành điều tra, lập danh mục các hệ sinh thái hiện có để phục vụ cho mục đích bảo tồn cũng như những báo cáo cho công tác này.

5) Công ty chưa có hướng dẫn, quy trình làm đường, biện pháp kiểm soát, ngăn chặn xói mòn, bảo vệ đa dạng sinh học trong kế hoạch sản xuất, quản lý rừng của Công ty. Việc cày máy làm đất vào mùa mưa, thực hiện cả với nơi đất dốc dễ gây xói mòn.

6) Việc tập huấn sử dụng hóa chất, thuốc trừ sâu của Công ty còn chưa có đầy đủ tài liệu và danh sách học viên. Các quy trình, danh mục các loại thuốc không được sử dụng có nhưng chưa được phổ biến công khai tại nơi sản xuất. Công ty có quy định cho người lao động khi sử dụng xăng dầu, các loại hóa chất độc hại nhưng chưa cụ thể hóa bằng văn bản. Nhận thức của người lao động về vấn đề này còn hạn chế. Túi bầu, bao nilon thừa, đã qua sử dụng ở vườn ươm cũng như trên rừng chưa được thu gom, xử lý. Việc bóc vỏ cây Keo lai sau khai thác tập trung tại bãi 1 với một lượng lớn sẽ dễ gây ô nhiễm nguồn nước.

1) Công ty chưa có danh mục các hành lang bảo vệ động vật hoang dã, chưa chừa ra các diện tích ven khe suối, sông, hồ và các diện tích rừng hỗn giao, khác tuổi. Mặc dù trên thực tế đã có làm ở một số điểm nhưng chưa thể hiện trong hồ sơ, bản đồ. Chưa có tài liệu hướng dẫn quản lý, bảo vệ các diện tích đó.

2) Công ty chưa có danh sách các loài cây trồng phù hợp với điều kiện tự nhiên, có giá trị kinh tế cao, có thị trường tiêu thụ và có tác dụng bảo vệ môi trường.

3) Chưa chọn được lập địa thích hợp và chưa xây dựng được diện tích rừng hỗn loài theo quy định (10% tổng diện tích rừng của Công ty).

4) Công ty chưa có danh mục các loài cây được trồng, chưa có báo cáo khảo sát về mức độ thích hợp với lập địa của các loài cây được trồng. Chưa có báo cáo đánh giá hiệu quả cũng như những tác động của các loài cây trồng rừng mà Công ty sử dụng. Mặc dù đã có diện tích cho phục hồi rừng tự nhiên nhưng lại chưa được tài liệu hóa, chưa có các đánh giá và hồ sơ lưu trữ, chưa có các quy chế và tài liệu hướng dẫn sử dụng những diện tích này.

5) Việc đào tạo về phòng chống sâu bệnh hại và phòng cháy chữa cháy rừng của Công ty cho cán bộ, công nhân viên, người lao động mặc dù có tiến hành nhưng vẫn chưa phù hợp với quy mô phát triển của Công ty.

6) Công ty chưa có danh sách thuốc bảo vệ thực vật sử dụng ở vườn ươm và rừng trồng. Chưa có các báo cáo về việc sử dụng các loại thuốc này. Công ty chưa có các kế hoạch thực hiện kiểm tra và báo cáo đánh giá định kỳ tác động sinh thái môi trường và xã hội của các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

7) Công ty chưa có quy trình cấp cứu, cứu hộ trong trường hợp xảy ra tai nạn do hóa chất. Chưa có giấy phép vận chuyển, xử lý hóa chất do cơ quan chuyên môn cấp, thiếu quy trình xử lý các chất thải, thiếu tài liệu hướng dẫn và giám sát việc sử dụng chế phẩm sinh học. Chưa có tài liệu minh chứng việc tập huấn cho cán bộ công nhân viên về vấn đề này.

8) Chưa có tài liệu mô tả và đánh giá tác dụng bảo tồn của những diện tích rừng để lại phục vụ cho việc bảo tồn.

### **3.2. Những khiếm khuyết trong quản lý xã hội của Công ty lâm nghiệp Bến Hải**

**Bảng 02. Những khiếm khuyết trong quản lý xã hội của Công ty lâm nghiệp Bến Hải**

<b>Những khiếm khuyết trong quản lý xã hội</b>	
<p><b>Nguyên tắc 1: Tuân theo pháp luật và các nguyên tắc của Hội đồng quản trị rừng thế giới.</b></p> <p><i>Tuân thủ theo pháp luật, những quy định hiện hành của quốc gia và các hiệp ước, thoả thuận quốc tế mà quốc gia tham gia ký kết phù hợp với tất cả Nguyên tắc của Hội đồng quản trị rừng thế giới.</i></p>	<p><b>Nguyên tắc 2: Quyền và trách nhiệm sử dụng đất</b></p> <p><i>Quyền và trách nhiệm sử dụng lâu dài đất và tài nguyên rừng được xác lập rõ ràng, tài liệu hoá và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.</i></p>
<p>1) Chưa có các hương ước, quy ước bảo vệ rừng của thôn bản trên địa bàn.</p> <p>2) Chưa lưu trữ và phổ biến cho cán bộ, công nhân các công ước quốc tế.</p> <p>3) Chưa có danh mục các khu rừng dễ bị xâm hại và kế hoạch bảo vệ các khu rừng đó.</p> <p>4) Chưa có văn bản cam kết thực hiện lâu dài Nguyên tắc của FSC.</p> <p>5) Mặc dù đã được tập huấn, phổ biến các nguyên tắc QLRBV và CCR nhưng nhận thức của một bộ phận cán bộ công nhân viên và người lao động của Công ty về vấn đề này còn hạn chế.</p> <p>6) Chưa phổ biến được các nội dung này cho lao động hợp đồng là người dân địa phương sống trong và gần kề địa bàn quản lý của công ty.</p>	<p>1) Chưa có văn bản thỏa thuận giữa Công ty với cộng đồng địa phương về cơ chế thu hái lâm sản trên đất Công ty quản lý.</p> <p>2) Công ty chưa có phương án giải quyết mâu thuẫn, xung đột về đất đai khi xảy ra.</p> <p>3) Vẫn còn hiện tượng xâm lấn của những người dân địa phương, như hiện tượng xâm canh của người dân tỉnh Quảng Bình trên địa phận quản lý của Phân trường 1, hiện tượng di cư của người dân Xóm Mới (<i>đồng bào dân tộc Vân Kiều</i>) trên địa phận quản lý của Phân trường 3.</p> <p>4) Chưa có các bảng hiệu, biển báo, mốc giới để nhận biết trên thực địa. Một số nơi ranh giới thực tế khó nhận biết.</p>
<p><b>Nguyên tắc 3: Quyền của người dân sở tại</b></p> <p><i>Quyền hợp pháp và theo phong tục của người dân sở tại về quản lý, sử dụng rừng và đất của họ được công nhận và tôn trọng.</i></p>	<p><b>Nguyên tắc 4: Quan hệ cộng đồng và quyền của công nhân</b></p> <p><i>Những hoạt động quản lý kinh doanh rừng có tác dụng duy trì hoặc tăng cường phúc lợi KTXH lâu dài của công nhân lâm nghiệp và các cộng đồng địa phương.</i></p>

- 1) Chưa có quy ước hợp tác quản lý và bảo vệ rừng, quyền sử dụng đất và sở hữu các nguồn tài nguyên rừng khác giữa Công ty và cộng đồng địa phương cũng như biên bản kiểm điểm việc thực hiện quy ước này.
- 2) Chưa có bàn bạc giữa Công ty và người dân sở tại về các tác động xấu của các biện pháp sản xuất kinh doanh.
- 3) Công ty chưa chú trọng đến việc tập hợp, sưu tầm và sử dụng các kiến thức bản địa của người dân địa phương.
- 1) Chưa có tài liệu lưu trữ của Công ty về việc đề nghị chính quyền địa phương giao đất cho công nhân lâm nghiệp của đơn vị.
- 2) Chưa thu hút được một số người dân sống gần rừng tham gia vào các hoạt động của Công ty, như trường hợp những người dân ở giáp ranh của tỉnh Quảng Bình, những người dân mới định cư tại Xóm Mới, xã Vĩnh Hà.
- 3) Việc tập huấn kỹ thuật, tập huấn an toàn lao động cho công nhân thời vụ, công nhân thuê khoán còn chưa tốt.
- 4) Chưa có chế độ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động hợp đồng thời vụ.
- 5) Nhận thức của người lao động về an toàn lao động trên một số lĩnh vực còn hạn chế. Còn thiếu các bảng báo hiệu nguy hiểm ở hiện trường sản xuất nguy hiểm. Các tài liệu hướng dẫn bảo quản và xử lý các loại vật tư, trang thiết bị nguy hiểm dễ gây tai nạn chưa được phổ biến rộng rãi cho người lao động.
- 6) Chưa lưu trữ công ước 87 và 98 của ILO.
- 7) Việc đánh giá tác động xã hội chưa được chú trọng. Chưa cập nhật danh sách người dân và nhóm người trực tiếp chịu ảnh hưởng của các hoạt động quản lý rừng.
- 8) Chưa có biên bản họp tham khảo ý kiến những người dân bị tác động. Chưa có phương án ngăn ngừa những tác động xấu đến quyền lợi và tài sản của người dân.
- 9) Chưa có văn bản về cơ chế giải quyết tranh chấp, bồi thường thiệt hại cho người dân sở tại.

### **3.3. Đề xuất biện pháp giảm thiểu tác động bất lợi của tác động môi trường và của tác động xã hội**

#### **3.3.1. Giảm thiểu tác động bất lợi của tác động môi trường**

1) Cần thông báo với chính quyền và người dân địa phương biết các khu vực bị tác động môi trường do hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị mang lại nhằm cùng họ quản lý tốt các hoạt động của Công ty, giảm thiểu các tác hại tới môi trường.

2) Điều tra lập danh sách các loài cây, loài con quý hiếm trong khu vực rừng và đất rừng mà Công ty quản lý. Lập bản đồ đa dạng sinh học và phân bố các loài quý hiếm, lên kế hoạch quản lý, hướng dẫn cán bộ, công nhân viên, người lao động về các quy định bảo vệ các loài động thực vật nguy cấp, quý hiếm và môi trường sống của chúng trong khu vực rừng của Công ty quản lý.

3) Tiến hành điều tra, lập danh mục các hệ sinh thái hiện có để xây dựng khu vực bảo tồn, lập hồ sơ, bản đồ và làm báo cáo định kỳ.

4) Cần bổ sung các quy trình làm đường lâm nghiệp, các biện pháp chống xói mòn đất, nuôi dưỡng nguồn nước, chống ô nhiễm và bảo vệ đa dạng sinh học. Bổ sung danh sách và tài liệu tập huấn cho công nhân sử dụng hóa chất của đơn vị. Hoàn thiện quy trình cấp cứu, cứu hộ trong trường hợp xảy ra tai nạn do hóa chất, có biện pháp vận chuyển, bảo quản, sử dụng an toàn các loại hóa chất này theo yêu cầu của các cơ quan chuyên môn. Tập huấn cho cán bộ công nhân tham gia sử dụng và quản lý tốt các chế phẩm sinh học.

5) Xây dựng các hành lang cảnh lửa, các hành lang bảo vệ động vật hoang dã, các diện tích rừng phòng hộ chống xói mòn đất, nuôi dưỡng nguồn nước trên thực địa và trong bản đồ, tài liệu lưu trữ. Có biện pháp quản lý các diện tích này.

6) Điều tra lập danh mục các loài cây phù hợp với điều kiện tự nhiên, có giá trị kinh tế cao, dễ tiêu thụ, có tác dụng bảo vệ môi trường. Lập phương án điều chế rừng theo phương hướng đồng đều về diện tích và/hoặc sản lượng rừng giữa các cấp tuổi. Cần duy trì một diện tích rừng hỗn loài đủ lớn (10% tổng diện tích rừng của Công ty).

7) Cần lập danh mục các loài cây được trồng, đánh giá các tác động xã hội, môi trường mà các loài cây này đem lại. So sánh lợi ích của các loài cây nhập nội với các loài cây bản địa.

8) Quy hoạch diện tích phù hợp cho bảo tồn rừng. Xây dựng bản đồ cùng các tài liệu hướng dẫn quản lý các diện tích rừng này theo hướng phục hồi thành rừng tự nhiên. Báo cáo định kỳ về diễn biến độ phì và cấu trúc đất, nguồn nước, dòng chảy do những hoạt động trồng rừng, khai thác, làm đường... gây ra.

9) Hoàn thiện công tác huấn luyện phòng chống sâu bệnh hại, phòng cháy chữa cháy rừng của Công ty. Lập danh sách các loại thuốc bảo vệ thực vật mà Công ty sử dụng. Báo cáo về việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và công tác phòng chống cháy rừng, các tác

động sinh thái môi trường, xã hội của công tác trồng rừng định kỳ 5 năm 1 lần.

### **3.3.2. Giảm thiểu tác động bất lợi của tác động xã hội**

1) Công ty cần tham khảo, lưu trữ các hương ước bảo vệ rừng của các thôn bản trên địa bàn.

2) Suu tập, phổ biến cho người lao động, cán bộ công nhân viên của Công ty và lưu trữ các công ước quốc tế có liên quan đến các hoạt động của Công ty mà nhà nước đã ký kết như: Công ước của Liên hiệp quốc (LHQ) về Đa dạng sinh học (1992); Công ước Cartagena về an toàn sinh thái cho Đa dạng sinh học; Công ước LHQ về chống Sa mạc hóa; Công ước quốc tế về đất ướt; Công ước LHQ về Biến đổi khí hậu; Công ước CITES; Các công ước quốc tế về lao động (ILO).

3) Lập danh mục những khu rừng dễ bị xâm hại. Lập kế hoạch bảo vệ các khu rừng đó. Lập báo cáo hàng năm về các hoạt động bất hợp pháp trong lĩnh vực quản lý rừng.

4) Chuẩn bị cho việc làm Văn bản cam kết thực hiện lâu dài Nguyên tắc FSC.

5) Cần có chương trình tuyên truyền sâu rộng các nguyên tắc quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng tới được từng cán bộ công nhân viên, người lao động và kể cả những người dân địa phương để họ nắm được, hiểu được ý nghĩa của việc thực hiện các nguyên tắc này trên cơ sở đó sẽ thực hiện tốt và giúp giám sát thực hiện chúng có hiệu quả hơn. Song song với các hình thức tuyên truyền hiện tại thì cần đổi mới, thay đổi làm đa dạng hóa cách thức tuyên truyền, phổ biến như tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về các nguyên tắc quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng cho cán bộ công nhân viên, người lao động, học sinh cũng như người dân địa phương. In tờ rơi phát cho từng hộ gia đình trong khu vực, nhờ phát trên loa truyền thanh địa phương. Kết hợp với chính quyền, các đoàn thể của địa phương trên địa bàn để phối hợp tuyên truyền, thực hiện.

6) Ranh giới đất lâm nghiệp của Công ty nên điều chỉnh sao cho dễ nhận biết, cụ thể, rõ ràng ngoài thực địa. Nên chọn ranh giới là các yếu tố tự nhiên, dễ nhận biết. Nơi nào dễ xảy ra hiện tượng xâm lấn thì cần đào hào, làm hàng rào, bổ sung các biển báo, bảng hiệu. Kết hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, các cơ quan chức năng cũng như người dân địa phương trong việc quản lý rừng và đất rừng. Nên có cơ chế thu hút những người dân sống gần rừng, đồng bào dân tộc thiểu số, những hộ gia đình khó khăn, kể cả những người ngoại tỉnh tham gia vào các hoạt động quản lý rừng và đất rừng của Công ty.

7) Tiến hành lập văn bản thỏa thuận với cộng đồng địa phương về việc thu hái lâm sản trên đất của Công ty quản lý, về cơ chế giải quyết các mâu thuẫn về quyền sở hữu, sử dụng đất và rừng. Lập quy ước quản lý, bảo vệ rừng, quyền sử dụng đất và sở hữu các tài nguyên khác giữa Công ty và cộng đồng địa phương.

8) Bàn bạc với cộng đồng địa phương về các tác động xấu có thể xảy ra đối với họ trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty. Bàn bạc cơ chế đền bù thiệt hại.

9) Công ty nên điều tra thu thập và tài liệu hóa các kiến thức bản địa của địa phương để sử dụng vào trong công tác quản lý của mình. Nên có văn bản thỏa thuận và chế độ chi trả thỏa đáng cho những người cung cấp thông tin và sở hữu những kiến thức bản địa đó. Nếu là những kiến thức có giá trị, có ảnh hưởng lớn tới hoạt động của Công ty thì nên có kế hoạch hợp tác lâu dài với các chuyên gia về các lĩnh vực đó.

10) Nếu cán bộ công nhân viên lao động của Công ty chưa có đất thổ cư thì cần làm văn bản đề nghị chính quyền địa phương cấp cho họ, nếu đã có đủ rồi thì có báo cáo để giải trình với đoàn đánh giá.

11) Cần mở các lớp tập huấn về công tác an toàn cho người lao động, kể cả lao động thời

vụ. Công việc này phải được thực hiện một cách thường xuyên. Nên có chế độ kiểm tra nhắc nhở, khen thưởng cá nhân, tập thể làm tốt, xử lý kỷ luật người vi phạm. Làm tốt công tác tuyên truyền ngăn ngừa tai nạn lao động. Tăng cường các bảng báo hiệu ở những nơi nguy hiểm, công khai các hướng dẫn, quy trình sử dụng, nội quy an toàn lao động đối với các loại thiết bị, vật tư, vật liệu nguy hiểm, dễ xảy ra cháy nổ, độc hại...

12) Cần thực hiện việc mua bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội cho người lao động, kể cả số lao động thời vụ. Với lao động thời vụ và lao động hợp đồng ngắn hạn nên chọn các công ty bảo hiểm có chế độ linh hoạt, thời gian phù hợp với thời gian sử dụng lao động. Tuyên truyền giải thích cho người lao động rõ quyền lợi và nghĩa vụ của họ khi tham gia bảo hiểm.

13) Lưu trữ và phổ biến công ước 87 và 98 của ILO.

14) Nên tổ chức đánh giá tác động xã hội các hoạt động sản xuất của Công ty định kỳ 3 năm một lần. Lưu trữ các hồ sơ tài liệu để kiểm tra, đối chiếu khi cần.

15) Cập nhật danh sách người dân và các nhóm người chịu ảnh hưởng của các hoạt động quản lý rừng của Công ty, tổ chức cuộc họp tham khảo ý kiến người dân, trao đổi với cộng đồng địa phương về kế hoạch quản lý rừng của Công ty cũng như cơ chế giải quyết các mâu thuẫn phát sinh trên cơ sở được sự đồng thuận của cộng đồng người dân địa phương.

#### IV. KẾT LUẬN

Trên cơ sở đối chiếu với các nguyên tắc quản lý rừng bền vững của FSC, đề tài đã phát hiện được:

- Về tác động bất lợi đối với môi trường:
  - + Thuộc nguyên tắc 6: Phát hiện được 8 lỗi;
  - + Thuộc nguyên tắc 10: Phát hiện được 6 lỗi.
- Về tác động bất lợi đối với xã hội:
  - + Nguyên tắc 1: Phát hiện 6 lỗi;

- + Nguyên tắc 2: Phát hiện 4 lỗi;
- + Nguyên tắc 3: Phát hiện 3 lỗi;
- + Nguyên tắc 4: Phát hiện 9 lỗi.

Những lỗi mắc phải trong quản lý môi trường và xã hội của Công ty chủ yếu là chưa tài liệu hóa được các hoạt động và kết quả các hoạt động trong quản lý rừng về mặt môi trường và xã hội của Công ty.

Trên cơ sở các phát hiện được các tác động bất lợi trên, đề tài đã đưa ra 9 giải pháp để giảm thiểu các tác động môi trường và 15 giải pháp giảm thiểu các tác động xã hội để Công ty thực hiện được chứng chỉ rừng quản lý rừng bền vững của FSC.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Vũ Nhâm (2007). *Bài giảng quản lý rừng bền vững*.
2. Bộ Nông nghiệp và PTNT (2007). *Chiến lược*

*phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006-2020*. Hà Nội.

3. Kỳ yếu hội thảo WWF về QLRBV và CCR. Quy Nhơn 24 – 25/5/2005.

4. Phạm Hoài Đức, Lê Công Uẩn, Nguyễn Ngọc Lung, Phạm Minh Thoa (2006). *Cẩm nang ngành lâm nghiệp: Chương chứng chỉ rừng*.

5. Lê Khắc Côi (2009). *Tóm lược tình hình lâm nghiệp và chứng chỉ rừng thế giới, chứng chỉ rừng ở Việt Nam*. Kỳ yếu hội thảo quản lý rừng bền vững trong bảo vệ môi trường và phát triển nông thôn - Hà Nội.

6. Đỗ Thị Ngọc Bích (2009). *Chứng chỉ rừng và kinh doanh sản phẩm gỗ*. Kỳ yếu hội thảo quản lý rừng bền vững trong bảo vệ môi trường và phát triển nông thôn, Hà Nội.

7. Trần Văn Con, Nguyễn Huy Sơn, Phan Minh Sáng, Nguyễn Hồng Quân, Chu Đình Quang, Lê Minh Tuyên (2006). *Cẩm nang ngành lâm nghiệp: chương Quản lý rừng Bền vững*.

8. Nguyễn Ngọc Lung (2004). *QLRBV và CCR ở Việt Nam, cơ hội và thách thức*. Tài liệu hội thảo.

## **RESEARCH ON ENVIRONMENTAL IMPACT AND SOCIAL IMPACT IN FOREST MANAGEMENT AT BEN HAI FORESTRY COMPANY, QUANG TRI PROVINCE**

**Ha Sy Dong, Do Anh Tuan, Le Xuan Truong**

### **SUMMARY**

Sustainable forest management, as required in international standards, needs to assure economical, social and environmental sustainability. Ben Hai Forestry company, Quang Tri province is the production and trading unit in the field of forestry. In order to achieve sustainable forest management standards of the Forest Stewardship Council (FSC), Ben Hai forestry company needs to assess environmental and social impacts of forest management activities at the company with reference to the principles of sustainable forest management of FSC. The assessment has found 14 errors that have adverse impact on the environment and 12 errors that have adverse impact on society in the process of forest management of the Company. Based on these findings, the research suggests 9 solutions to mitigate the adverse effects on the environment and 15 options to reduce the adverse impact on society so that the company can attain forest certification for sustainable forest management of FSC.

**Keywords:** *Environmental impacts, social impacts, sustainable forest management.*

**Người phản biện** : PGS.TS. Bùi Thế Đồi  
**Ngày nhận bài** : 15/3/2016  
**Ngày phản biện** : 20/3/2016  
**Ngày quyết định đăng** : 25/3/2016